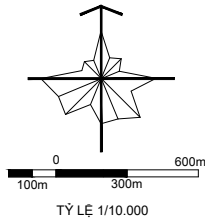


PHƯỜNG TRĂNG DÀI - THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ THIÊN TÂN, HUYỆN VĨNH CỬU
GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025 VÀ DÀI HẠN ĐẾN NĂM 2030
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐIỀU CHỈNH



KÝ HIỆU	
	RANH XÃ
	HƯỚNG DỐC ĐỊA HÌNH
	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC
	ĐƯỜNG ĐIỆN 500KV
	ĐƯỜNG ĐIỆN 220KV
	ĐƯỜNG ĐIỆN 110KV
	ĐƯỜNG ĐIỆN 22KV HIỆN HỮU
	TRẠM BIẾN ÁP HIỆN HỮU
	TRẠM BIẾN ÁP (XD MỚI)
	HỆ THỐNG CẤP NƯỚC (HH)
	HỆ THỐNG CẤP NƯỚC

1. Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:
1.1. San nền:
Xử lý cục bộ theo từng công trình cụ thể tuân thủ địa hình tự nhiên, tránh tình trạng ngập úng cục bộ. Các công trình dự kiến xây mới phần lớn đều xây xen cây vào khu vực đã có mặt độ xây dựng tương đối giải pháp san nền cục bộ. Cao độ xây dựng không chế tối thiểu cho từng công trình phụ thuộc vào từng vị trí song phải đảm bảo không ngập úng, hải hoá với các công trình hiện có và không làm ảnh hưởng tới các công trình hiện có lân cận.
1.2. Thoát nước:
*Thoát nước trong các khu dân cư:
- Đối với các điểm, khu dân cư xây dựng mới phải sử dụng công thoát nước BTCT, đối với các tuyến đường không đi qua các điểm, khu dân cư phải bố trí các mương, rãnh thoát nước để thu nước trên mặt đường.
- Một số tuyến mương thoát nước hiện hữu tại khu dân cư trung tâm có thể được giữ lại và cải tạo nâng cấp một số đoạn cho phù hợp với lộ giới quy hoạch.
- Đối với khu vực đồng ruộng, hệ thống mương thủy lợi dẫn nước tưới vào ruộng đồng thời cũng là mương thoát khi đồng ruộng bị ngập úng phải tiến hành nạo vét, cải tạo, kiên cố hóa. Nâng cấp, cải tạo hệ thống phải đảm bảo thoát nước tốt.
*Thoát nước bên ngoài khu dân cư:
Dựa vào địa hình tự nhiên của khu vực, phân thành 4 lưu vực thoát nước chính như sau:
- Lưu vực I (giới hạn từ đường tỉnh 768 đến hết ranh phía Bắc): Nước mưa thoát về Rạch Tôm rồi thoát về sông Đồng Nai.
- Lưu vực II (giới hạn từ đường tỉnh 768, đường nhà máy nước Thiên Tân và đường vành đai Tp. Biên Hòa): Nước mưa thoát về Rạch Cây Khô và các suối nhỏ rồi thoát về phía Bắc ra sông Đồng Nai.
- Lưu vực III (giới hạn từ đường vành đai Tp. Biên Hòa đến hết ranh phía Nam của xã): Nước mưa thoát vào suối Bà Ba, thoát về hướng Bắc ra sông Đồng Nai.
- Lưu vực IV (được giới hạn từ đường nhà máy nước Thiên Tân đến hết ranh phía Đông của xã): Nước mưa thoát về rạch Bà Tiển rồi chảy vào các nhánh của sông Đồng Nai.

2. Hệ thống cấp điện:
2.1. Cấp điện:
Theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Đồng Nai. Nguồn điện cung cấp cho xã Thiên Tân được lấy từ trạm 110/22KV-Thành Phố công suất 40MVA cách xã Thiên Tân khoảng 3km. Như vậy toàn bộ nhu cầu sử dụng điện của xã Thiên Tân công như các xã lân cận sẽ được đáp ứng đầy đủ.
2.2. Nhu cầu tiêu tài:
- Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt dân cư nông thôn mới là 165W/người tương đương 660W/hộ (tính bằng 50% chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt của đô thị loại V).
- Nhu cầu cấp điện cho công trình công cộng trong các điểm dân cư nông thôn mới $\geq 15\%$ nhu cầu điện sinh hoạt của xã. Trong đó an ngy tam tinh $\approx 20\%$ nhu cầu điện sinh hoạt.
- Tổng nhu cầu cấp điện: 2.574KVA
2.1. Giải pháp cấp nguồn:
- Nguồn điện cung cấp cho các điểm dân cư như cầu dùng điện được lấy từ tuyến trung thế hiện hữu trên địa bàn.
2.2. Giải pháp xây dựng lưới hạ thế:
Lưới hạ thế sau trạm biến áp được xây dựng theo các trục đường giao thông theo quy hoạch.
Lưới hạ thế dùng lưới 3 pha 4 dây có trung tính nối đất trực tiếp.
2.3. Hành lang bảo vệ lưới cao thế:
Đối với các tuyến điện cao thế đi qua địa bàn xã thì hành lang an toàn lưới điện cao thế phải tuyệt đối tuân theo nghị định 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 và các qui định hiện hành của ngành điện.

3. Cấp nước
3.1. Hiện trạng cấp nước - Nguồn nước cấp:
Hiện nay số hộ dân trong xã sử dụng nước máy chiếm khoảng 85%. Nguồn lấy từ nhà máy nước Thiên Tân thông qua tuyến ống D160mm chạy dọc đường DT 768, riêng điểm dân cư kết hợp sinh thái hiện chưa được cấp nước, các hộ dân đang sử dụng nước ngầm tự khai thác từ giếng đào hoặc giếng khoan quy mô hộ gia đình.
3.2. Nhu cầu dùng nước:
Việc tính toán nhu cầu dùng nước được giới hạn trong khu vực dân cư hiện hữu và mở rộng trên địa bàn xã. Đối với các dự án quy hoạch khác sẽ tuân thủ theo quy hoạch cấp nước của dự án đã được phê duyệt.
- Tổng dân số: 17.000 người
- Các điểm dân cư quy hoạch mới: 100l/người/ngày.
- Các điểm dân cư hiện hữu: 100l/người/ngày.
- Tổng nhu cầu dùng nước toàn xã: 2.100m³/ngày
3.3. Mạng lưới cấp nước:
- Các tuyến ống hiện hữu đủ năng lực cấp nước được giữ lại, xây dựng hoàn thiện mạng lưới ống cấp nước cho toàn xã, cụ thể như sau:
- Xây dựng Tuyến ống D150mm chạy dọc theo đường NM nước Thiên Tân cấp cho các điểm dân cư số 6 và một phần ĐDC số 3. Một tuyến ống D150mm chạy dọc theo đường Bình cấp cho các điểm dân cư số 10. Một tuyến ống D150mm chạy dọc theo đường QH12 cấp cho các điểm dân cư số 7. Một tuyến ống D150mm chạy dọc theo đường Số Số Quý - Kỳ Lân cấp cho các điểm dân cư số 4.
- Mạng lưới ống nhánh công được xây dựng hoàn thiện, phủ kín tất cả các điểm dân cư tập trung. Các hộ dân sống rải rác, triển khai chương trình nước sạch nông thôn, lắp đặt các hệ thống lọc nước hộ gia đình. Đảm bảo tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đạt 100%.
4. Thoát nước thải
4.1. Hiện trạng thoát nước thải:
Hiện tại khu vực quy hoạch chưa có hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Nước thải sinh hoạt tự thấm là chính, phần còn lại thoát ra sông suối. Đa số các hộ dân sử dụng bể tự hoại có giếng thăm.
4.2. Lưu lượng nước thải:
Căn cứ nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ, khối lượng nước thải lấy bằng 100% khối lượng nước cấp sinh hoạt => Tổng khối lượng nước thải ttn x = 2.700m³/ngày
4.3. Giải pháp quy hoạch thoát nước thải:
* Thoát nước thải cho các khu dân cư:
- Đối với các điểm dân cư tập trung:
Xây dựng hệ thống thu gom và trạm xử lý nước thải cho tất cả các điểm dân cư tập trung. Nước thải phân tiêu của các hộ dân, trường học sau khi xử lý bằng hệ thống tự hoại ba ngăn cho chảy vào công chung dẫn về trạm xử lý.
- Đối với các cụm dân cư sống phân tán:
Khuyến khích các hộ dân áp dụng giải pháp thoát nước thải có xử lý tự thấm (quy mô hộ gia đình). Thường xuyên nạo vét các trục tiêu chính, các sông suối chảy qua các khu dân cư để thoát nước được dễ dàng.
* Thoát nước thải các cụm công nghiệp:
Các cụm công nghiệp phải xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải riêng cho từng dự án.
* Tổng hợp các giải pháp ưu tiên thực hiện:
- Để đảm bảo công tác bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu trong vùng quy hoạch, kiến nghị ưu tiên thực hiện các giải pháp sau đây:
Trong giai đoạn triển khai thực hiện quy hoạch, các dự án thuộc quy hoạch đều phải lắp báo cáo ĐTM chi tiết để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, trong đó đặc biệt chú ý đến các dự án lớn như các cụm công nghiệp, dự án du lịch sinh thái, các dự án cơ sở hạ tầng chính (giao thông; khu xử lý rác, cấp thoát nước).
* Về các giải pháp kỹ thuật để ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu:
- Trên cơ sở kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của tỉnh đã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành, địa phương.
- Thực hiện tốt phương án quy hoạch, bảo tồn nghiêm ngặt các khu sinh thái, giúp tăng khả năng thoát nước, và tăng cường khả năng điều hòa vi khí hậu. Có các biện pháp chặn bị kỹ thuật, tạo hành lang cây xanh cách ly đối với các vùng trũng, ven sông

KÝ HIỆU	
1. ĐẤT NÔNG NGHIỆP	
	ĐẤT TRỒNG LÚA
	ĐẤT TRỒNG TROT KHÁC
	ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ
	ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
	ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC
2. ĐẤT XÂY DỰNG	
	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG (NÔNG THÔN)
	ĐẤT Ở DỰ ÁN (NÔNG THÔN)
	ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC THỂ THAO
	ĐẤT TÔN GIÁO DANH LAM, DI TÍCH, ĐÌNH ĐẾN
	ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TTCT & LNHỆ
	ĐẤT KHOÁNG SẢN, SXVLXD
	ĐẤT XÂY DỰNG CHỨC NĂNG KHÁC
	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
3. ĐẤT KHÁC	
	ĐẤT S. NGÔI K. RACH MNCD
	ĐẤT HA TẮNG KỸ THUẬT
	ĐẤT GIAO THÔNG
	ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
	ĐẤT NGHĨA TRANG NGHĨA ĐỊA
	ĐẤT HA TẮNG KỸ THUẬT KHÁC
	ĐẤT QUỐC PHÒNG AN NINH

NHU CẦU DÙNG ĐIỆN			
STT	KHU DÂN CƯ	DÂN SỐ (NGƯỜI)	NHU CẦU (KVA)
1	Điểm dân cư số 1	1.759	266.33
2	Điểm dân cư số 2	6.759	1023.39
3	Điểm dân cư số 3	2.759	417.75
4	Điểm dân cư số 4	766	115.98
5	Điểm dân cư số 5	272	41.18
6	Điểm dân cư số 6	789	119.46
7	Điểm dân cư số 7	2167	328.11
8	Điểm dân cư số 8	176	26.65
9	Điểm dân cư số 9	167	25.29
10	Điểm dân cư số 10	1350	204.41
Tổng		17.000	2.574

BẢNG THỐNG KÊ TRẠM BIẾN ÁP CẤP ĐIỆN SINH HOẠT		
TÊN TRẠM	DUNG LƯỢNG DỰ KIẾN ĐẾN 2030 (KVA)	GHI CHÚ
DC TÂN HIỂN	250	HIỆN HỮU NANG CẤP
TRẠM ÁP 0NG HƯƠNG	250	HIỆN HỮU NANG CẤP
DC THIÊN TÂN	250	HIỆN HỮU NANG CẤP
TRẠM ÁP VAM TT	320	XÂY DỰNG MỚI
T1	320	XÂY DỰNG MỚI
T2	320	XÂY DỰNG MỚI
T3	250	XÂY DỰNG MỚI
T4	250	XÂY DỰNG MỚI
T5	160	XÂY DỰNG MỚI
T6	50	XÂY DỰNG MỚI
T7	100	XÂY DỰNG MỚI
T8	100	XÂY DỰNG MỚI
T9	100	XÂY DỰNG MỚI
T10	250	XÂY DỰNG MỚI
T11	50	XÂY DỰNG MỚI
T12	100	XÂY DỰNG MỚI
T13	250	XÂY DỰNG MỚI
TỔNG CỘNG	3400	

NHU CẦU DÙNG NƯỚC			
STT	ĐIỂM DÂN CƯ	SỐ DÂN (NGƯỜI)	NHU CẦU (m ³ /ngày)
1	Điểm dân cư số 1	1.759	176
2	Điểm dân cư số 2	6.759	676
3	Điểm dân cư số 3	2.759	276
4	Điểm dân cư số 4	766	77
5	Điểm dân cư số 5	272	27
6	Điểm dân cư số 6	789	79
7	Điểm dân cư số 7	2.167	217
8	Điểm dân cư số 8	176	18
9	Điểm dân cư số 9	167	17
10	Điểm dân cư số 10	1.350	135
CỘNG (Q+th)		17.000	1.700
11	Nhu cầu dịch vụ công cộng	10% Q+th	170
12	Nhu cầu rò rỉ, dự phòng	10% Q	167
TỔNG CỘNG			2.037
LÀM TRON			2.100

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: UBND PHƯỜNG TRĂNG DÀI

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM

CƠ QUAN LẬP QUY HOẠCH: PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG TRĂNG DÀI

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ THIÊN TÂN, HUYỆN VĨNH CỬU GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025 VÀ DÀI HẠN ĐẾN NĂM 2030

TÊN BẢN VẼ :

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐIỀU CHỈNH

BẢN VẼ : 01/2022 GHÉP : ... A0 TỶ LỆ : 1/10.000 NGÀY HT : .../2026